

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 34

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Mì trứng nấu tôm tươi, bí ngòi, cải
dúng, hành lá, hành phi
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Cá ngừ sốt cà chua, hành lá
- Canh bắp cải nấu thịt heo, hành lá, ngò rí
Xế: Nước cam
Xế chiều: Súp cua biển, su su, bắp mỹ, nấm
đông cô tươi, trứng gà, bột năng, hành lá, ngò
rí

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	500	3,140	15,700
2	0494	Đường cát	300	3,880	11,640
3	0523	Nước mắm loại I	200	4,400	8,800
4	N0966	Muối Iot	200	740	1,480
5	0004	Gạo tẻ máy	2,000	2,560	51,200
6	0120	Hành lá (hành hoa)	100	5,250	5,250
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	50	8,720	4,360
8	N0777	Mì sợi	400	7,700	30,800
9	0424	Tôm sú	500	36,540	182,700
10	0648	Bí ngòi (Bí Nhật Bản)	200	6,090	12,180
11	0716	Cải dún (nhúng)	100	5,570	5,570
12	0392	Cá ngừ	2,000	11,240	224,800
13	0087	Cà chua	400	7,350	29,400
14	0092	Cải bắp	800	4,520	36,160
15	N0770	Thịt nạc dăm	500	18,800	94,000
16	0214	Cam sành	1,000	5,040	50,400
17	N0810	Thịt cua tươi	300	92,400	277,200
18	0180	Su su	300	3,260	9,780
19	0007	Ngò bắp tươi	300	3,680	11,040
20	0209	Nấm hương tươi (nấm đông cô)	100	27,300	27,300
21	0451	Trứng gà công nghiệp	180	7,333.3	13,200
22	0649	Bột năng	300	4,812.5	14,438
23	0457	Sữa bột toàn phần	685.87	20,500	140,603
Tổng chợ					1,258,001

Tổng tiền thực phẩm	1,258,001
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	1,258,001
Số dư đầu ngày	1
Số dư cuối ngày	0
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	13,135,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	11,950,994

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Trần Thị Khánh Ly

Ngô Thị Ngọc Lan